binh nhảy trực thăng vào An Lộc từ hướng này. Trung đoàn 141 của Sư 7 chặn địch xa hơn ở phía Tàu ô."

Lát sau, Trung đoàn 42 báo cáo rằng, anh em trên các đài quan sát không thấy động tĩnh gì lạ trong thị xã, hướng nam thị xã theo đường 13 hơi thấp, có thể máy bay đáp xuống đường 13, rồi chúng đi bộ từ ngoài vào, do khuất ta không thấy.

Chính ủy Bảy: *"Vậy là kẽ hở của đài quan sát, phải bổ sung vị trí quan sát và bố trí thêm trận địa pháo, không một tọa độ nào được bỏ sót. Thiệu đến An Lộc được, chắc chắn đám cố vấn Mỹ sẽ đến nghiên cứu. Hôm nay bộ đội để mất nhiều con cá lớn, ráng sinh hoạt anh em lập công chuộc tội".*

Ngay hôm sau, Trung đoàn 42 lập tức bổ sung đài quan sát, các trận địa pháo tăng cường phương án tác chiến ở mọi tọa độ bên trong và bên ngoài thị xã.

Đúng như dự đoán, ngày 9-7-1972, Thiếu tướng Mỹ Richard Tallman và 3 sĩ quan cao cấp Mỹ, là cố vấn của Quân đoàn III ngụy bất ngờ đáp trực thăng xuống An Lộc. Chiếc UH-1 đáp đúng bãi B15 mà trước đó Thiệu đã đáp. Đoàn người vừa bước xuống, chiếc máy bay vừa nâng khỏi mặt đất có vài giây, một quả đạn pháo của Trung đoàn 42 nổ trúng mục tiêu, 4 cố vấn Mỹ bị tiêu diệt.

Hôm sau, báo chí Quốc tế, trong nước đồng loạt đưa tin tướng Mỹ tử trận vì trúng đạn pháo của quân Giải phóng ở An Lộc, nâng tổng số tướng Mỹ tử trận ở Việt Nam là 11 người, Richard Tallman là tướng Mỹ cuối cùng chết trong chiến tranh Việt Nam.

Điều quan trọng Trung đoàn 42 đã làm được, đó là đã tiêu diệt được nhóm cố vấn Mỹ, mà trong hai tháng trước đã huy động toàn bộ khả năng của phản lực cơ và B52, ném hàng ngàn tấn bom hủy diệt thị xã An Lộc và vùng phụ cận, một trong những cố gắng cuối cùng cứu vãn chế độ VNCH.

Sau mùa hè 1972, tình hình Chiến khu Đ và chiến trường miền Đông Nam Bộ có nhiều thay đổi, sớm muộn gì Mỹ cũng phải ký Hiệp định Paris, thực tế quân Mỹ đang rút quân, Quân ủy Trung ương quyết định tái cơ cấu lực lượng, thành lập lại các quân khu, theo đó Quân khu miền Đông (QK7) gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước (Bình Long - Phước Long), Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh. Miền Tây thành lập Quân khu 8, Quân khu 9.

Quyết định tái lập Quân khu miền Đông, kèm theo việc cơ cấu nhân sự. Cũng may mắn đoàn cán bộ từ Phân khu Thủ Biên về Đoàn pháo binh 75 được trở về Quân khu. Cán bộ, chiến sĩ trong bộ khung của

Quân khu hội quân ở Snuol, sau đó hành quân về Chiến khu Đ. Căn cứ Quân khu đóng quân ở Suối Trau, gần khu vực Bà Hào thuộc Chiến khu Đ. Căn cứ Khu ủy đứng chân ở suối Sa Mách. Bộ tư lệnh Quân khu khi tái lập có các tướng lĩnh: Nguyễn Văn Bứa (bí danh Nguyễn Hồng Lâm - Hai Hồng Lâm), Tư lệnh; Trần Lương (Hai Hậu), Chính ủy kiêm Bí thư Khu ủy; Trần Đông Hưng (bí danh Vũ Ba), Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng; Bùi Khánh Ngươn, Đặng Văn Sỹ, Phó Tư lệnh; Nguyễn Đăng Mai (Bảy Mai), Phó Chính ủy.

Năm 1973, Thiếu tướng Hồng Lâm và Đại tá Hai Ngươn có vợ con ở Hải Phòng nên được ra Bắc thăm gia đình, Quân khu được bổ sung Đại tá Lê Văn Ngọc, Phó Tư lệnh, Đại tá Tám Quang, Phó Chính ủy.

Các phòng ban của Quân khu khi tái lập có nhiều cán bộ rút về từ Phân khu Thủ Biên, Phân khu Bà Rịa - Long Khánh và tăng cường từ Miền. Quân khu có 3 trung đoàn: Trung đoàn 16 (Q16) Tây Ninh, Trung đoàn 4 (Q4) Bà Rịa, Trung đoàn 33 Biên Hòa - Long Khánh và các tiểu đoàn, đại đội độc lập. Một thế trận mới được hình thành và phát triển trong suốt giai đoạn 1972-1975.

(Trích Hồi ký "Những năm tháng khó quên")

CHIẾN KHU Đ TRONG LÒNG TÔI

Hồi ký của **Bùi Quang Tú**

Tôi là người con của chiến khu Đ. Lần này trở về thăm Chiến khu Đ sau bao năm xa cách, nhớ nhung lòng tôi ngập tràn cảm xúc. Nơi đây tôi đã có một quãng đời ngắn ngủi vài ba năm trong hành trình dài bảy mươi năm của đời mình. Thời chiến tranh tôi đã đi qua các cánh rừng, nhiều vùng đất, gặp gỡ bao đồng đội, đồng bào, chứng kiến bao hy sinh mất mát và những sự tích anh hùng. Luôn cảm thấy mình bé nhỏ như con cá giữa lòng đại dương Chiến khu Đ, nhỏ nhoi trước trước sự kỳ vĩ của con người và vùng đất nơi đây nhưng cũng xin chia sẻ với các bạn đôi chút về câu chuyện của tôi.

***

Từ một chàng trai Hà Nội tôi đã đến với Chiến khu Đ trong những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh. Tôi trở thành người của Chiến khu Đ không phải với tư cách là người lính trực tiếp cầm súng chiến đấu mà là một cán bộ giáo dục.

Tôi được phân công làm cán bộ của Ban Tuyên giáo tỉnh Biên Hòa. Thời chống Mỹ bên hệ Đảng và chính quyền có đầy đủ các ban: Ban Kinh tài, Ban Dân vận, Ban Dân y, Ban Tuyên huấn... Ban Tuyên huấn tỉnh Biên Hòa có các tiểu ban: giáo dục, văn công, báo chí, điện ảnh, mỹ thuật. Tiểu ban văn công thường có múa hát (cải lương và tân nhạc), diễn kịch, hoạt cảnh. Khi sang trọng dựng được sân khấu ngoài trời bằng cách kê ván gỗ trên thùng phuy, có màn phông, có máy phát điện làm sân khấu sáng trưng. Thường chỉ là diễn trên mặt đất giữa đám cỏ, có đàn ghi ta, măng đô lin đệm cho bà con, cán bộ, bộ đội xem. Tiểu ban báo chí có nhiện vụ viết tin bài phản ánh cuộc sống, chiến đấu để phát trên loa, đăng vào các bản tin. Có thể gửi lên Tây Ninh, ra Hà Nội cho đài, báo trên đó, ngoài đó. Tiểu ban điện ảnh lo chiếu phim cho cán bộ, bộ đội, nhân dân xem. Nguồn phim lấy từ trên R (Trung ương cục miền Nam) với các bộ phin như *Vĩ tuyến 17 ngày và đêm, Người về đồng cói,* thỉnh thoảng có phim của Liên Xô và Trung Quốc. Việc chiếu phim cũng vất vả gian nan, phải có khoảng đất rộng, máy phát điện, người chiếu gò lưng bên máy, người xem ngồi bệt dưới đất. Phát hiện có máy bay địch từ xa là tắt phụt đèn, kịp thời di tản người và máy móc. Tôi thuộc tiểu ban giác dục có tám cán bộ, do anh Ba Thảo quê huyện

Vĩnh Cửu tập kết ra Bắc học Đại học sư phạm Toán, trở về miền Nam làm trưởng tiểu ban. Chưa có trường lớp chúng tôi đi dạy bổ túc cho cán bộ cơ quan, mở các lớp xóa mù cho bà con công nhân cao su. Nhưng tới bảy mươi phần trăm thời gian là lo cái ăn, bởi có thực mới vực được cơ quan. Mới chạm mặt quen biết vài ba người thì tôi được điều đi làm rẫy, treo võng chênh vênh bên bờ suối Quýt, ngày ngày lội qua suối, cuốc hố để tra hạt bắp. Rẫy rộng mênh mông nằm nghiêng nghiêng ven bờ suối, xung quanh cây cối um tùm. Mưa giông như muốn đánh sập cả rừng, nắng gắt như muốn kéo cả rẫy lên áp sát mặt trời. Người cuốc, người tra hạt chẳng có dây chăng thước đo ấy thế mà cũng khá đều đặn. Làm đến chiều tà thì ai nấy cũng mệt nhừ. Sướng nhất là được ngâm mình trong làn nước mát rượi, mồ hôi bụi bậm theo dòng nước trôi xuôi, xung quanh mình là đàn cá bơi lội nhởn rỡn. tai nghe tiếng chim hót líu lo trên cành cây cao. Mặt trời lặn mất hút giữa cánh rừng, màn đêm buông xuống, mọi người ăn cơm xong còn một cữ nhậu tối. Nhà đại thiện xạ Phạm Trung (điện ảnh) xách cây AK, đội chá đèn len lỏi trong rừng, bữa nào cũng có thịt mang về. Khi con cầy hương, con mễn, lúc gà rừng. Lại băm băm chặt chặt, xào nấu thơm lừng, nâng ly lên đặt ly xuống vui vẻ đến tận khuya khoắt mới đặt lưng lên võng ngủ.

Trong giấc mơ những năm ấy của tôi có hình ảnh những cây bắp lớn vùn vụt, trái bắp săn chắc ngọt ngào, râu bắp phất phơ trong gió sớm mai. Hàng ngàn cây bắp trùng trùng tốt tươi làm sáng cả rừng. Và chúng tôi ngồi túm tụm, hớn hở lẩy hạt bắp, vun đầy thành đống, cất vào kho ăn dần.

Nhưng tôi chẳng ở rẫy lâu, khi bắp mới nhú lên ba mươi phân thì tôi được gọi về chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới. Trong thời gian chờ đợi tôi đã tập tành làm "ngôi nhà rừng": đi chặt tre làm cột và hái lá trung quân lợp mái. Chàng thư sinh Hà Nội chưa bao giờ đụng vào việc nặng nhọc nay nghiến răng vung con dao phay sáng loáng bổ phầm phập vào gốc tre, mảnh tre văng ra vung vãi khắp nơi. Cây tre đã đứt lìa tưởng dễ ăn, nhưng những cành tre dính ríu rịu vào nhau bốn người co kéo rị mọ mãi mới rút ra được. Hạ được cây rồi phải đi lảy từng cành không cẩn thận gai sẽ đâm tóe máu. Tôi còn được phân đi hái lá trung quân cùng em Tuyết (văn công). Buộc túm ống quần, xoa thuốc vắt đi sâu vào trong rừng. Tuyết vừa hái lá thoăn thoắt vừa hát líu lo: "Cúc cu cúc cu chim rừng ca trong nắng...". Tôi chẳng thể nào phân biệt nổi lá trung quân với các loại lá khác nên cứ... hái nhầm khiến Tuyết khúc khích cười. Kết quả thật đáng xấu hổ: tôi được một nhúm trong lòng bàn tay. Tuyết được năm xâu. Cũng ở Ban

Tuyên huấn Biên Hòa ngoài công tác được giao như trên tôi còn tập làm người Nam Bộ, tập ăn tập nói. Trái sầu riêng lúc đầu ăn hơi dội nhưng khi quen thấy thơm ngon, hương vị rất đặc biệt. Rau diếp cá chưa ăn bao giờ nhưng thấy thích vì rất mát. Món chao thum thủm nhưng dần thấy đậm đà, đậu bắp chấm chao thật tuyệt vời. Riêng kho từ vựng Nam Bộ thì tôi học dần, những "ớn", "kỳ cục", "làm biếng" tôi đã quen. Có lần anh bạn trong cơ quan sốt rét tôi nấu nồi cháo múc ra một bát giục anh: "Cố ăn cho khỏe anh". Dẫu đang run bần bật mối tái mét anh cũng sửa cho tôi: "Nói cố ăn là ăn tham, anh nói là ráng ăn cho nó hợp với người Nam".

Ở Ban được một thời gian thì được phân qua huyện Thống Nhất dạy học. Huyện Thống Nhất thuộc tỉnh Biên Hòa thời chiến tranh do đồng chí Tám Hải làm Bí thư, Hai Liên làm Phó bí thư có chủ trương mở trường văn hóa để thu nhận cán bộ, con em cán bộ, nhân dân vào học nhằm đào tạo lực lượng cho cách mạng sau này. Trường văn hóa huyện Thống Nhất. nằm ở xã Cây Gáo (nay thuộc huyện Trảng Bom), cán bộ xã phần lớn là bộ đội biệt phái. Ở ngoài Bắc trường lớp có sẵn chỉ lo dạy, ở đây bắt đầu phải từ cái kèo, cái cột, mái lợp, cái bàn cái ghế, gạo và rau để ăn, hầm để trú ẩn. Vốn vụng về tôi cũng theo các anh cán bộ xã và học sinh lớn tuổi đi chặt tre làm cột, cưa cây làm bàn

ghế. Chúng tôi còn lủi vào rừng cao su, muỗi nhiều như trấu, những bát đựng mủ nằm lăn lóc dưới đất. Cảnh hoang vắng đến rợn người. Dò dẫm đến mấy căn nhà đổ nát do bom pháo còn sót lại mấy cánh cửa chúng tôi nậy ra lễ mễ khiêng về sửa sang làm bàn học. Phòng học muốn chắc chắn phải lợp thiếc nên các em học trò ra tận Bàu Hàm tải thiếc. Đến lúc dựng phòng học thì tôi chẳng phải thợ nên chỉ giữ chân sai vặt, giúp đưa cưa, bào, búa đinh... Hai lớp học vững chãi đã dựng lên, hầm hào, lán trại đã ổn, học sinh lục tục kéo đến. Đủ sắc tộc: Kinh, Chơ ro, S'tiêng, Hoa Nùng... Đủ lứa tuổi; hai mươi tuổi là du kích xã chưa biết chữ, ba bốn tuổi còn đái dầm. Khoảng sáu mươi em tạm chia làm hai lớp: lớp vỡ lòng và lớp bốn. Lúc này Khu miền Đông tăng cường thêm anh Trần Sĩ Huấn - nguyên là Hiệu trưởng trưởng cấp ba Mỹ Lộc tỉnh Nam Hà. Anh Huấn dạy vỡ lòng, tôi dạy lớp bốn. Dạy được vài tháng thì tôi được "cấp giấy chứng nhận là người của Chiến khu Đ": bệnh sốt rét. Toàn thân ớn lạnh, run lên bần bật. Có những buổi trưa đứng dưới nắng khoác chăn bông mà vẫn lạnh toát. Chị Ba Chót - y tá xã Cây Gáo tiêm ký ninh vào bả vai nhiều đến nỗi bả vai tôi cứng đờ, mỗi lần đi tiểu nước tiểu đỏ như máu. Ăn cơm miệng nhạt thếch chỉ húp chút cháo loãng. Chừng mười ngày cơn sốt rét tạm lui. Khi yếu trong người bị

quật trở lại. Ở Cây Gáo ăn uống rất kham khổ, thực đơn chỉ có cơm độn bắp, canh loãng với vài ba cọng rau, vài lát xoài ngâm trong dĩa nước mắm. Thỉnh thoảng được ăn tươi, mấy anh cán bộ xã chèo xuồng ra giữa sông đánh trái, nước vọt lên, cá chết nổi lềnh phềnh, Một anh nhảy tùm xuống sông vớt cá, trên xuồng không có bao tải họ buộc túm ông quần nhét cá vào. Nồi cá kho với măng rừng đun bằng củi gộc cháy rừng rực suốt ngày đêm, cá nhừ, măng mềm ăn rất ngon. Rau thì cực thiếu, xã có một cái rẫy nhỏ trồng rau nhưng không đủ chu cấp cho từng ấy người. Nan giải nhất là gạo, hơn sáu mươi cái tàu há mồm đang sức ăn sức lớn nên cứ vài ngày lại hết gạo. Khi gạo tụt xuống sát đáy thùng, các em học trò lớn lại mang bòng đi trong rừng cao su, tuông ra Bàu Hàm mua gạo tải về. Thầy trò chúng tôi chẳng thể nào có cuộc sống bình yên để dạy và học. Máy bay địch vè vè trên đầu, pháo từ Dốc Mơ dội về, biệt kích truy lùng. Vào tháng 1-1975 một "chị nuôi" (cấp dưỡng) của trường trong đêm khuya lặng lẽ chèo xuồng đi chiêu hồi, trường lập tức phải chuyển qua bên kia sông tới cứ của một đơn vị bộ đội - khi họ vừa mới chuyển đi. Thầy trò lại bòng bị, nồi niêu, xoong chảo, gạo rau theo con xuồng sang chỗ mới. Cuối tháng 1/1975, anh Ba Thảo và tôi được cử đi dự hội nghị giáo dục toàn miền Nam ở Tây Ninh. Hồi từ Tây

Ninh xuống Biên Hòa tôi phải lẽo đẽo đi bộ cả tháng trời, nay được đi bằng xe vận tải quân sự nên chỉ mất có vài ngày. Từ lộ ủi Lệ Xuân tới Bù Đốp, Lộc Ninh chúng tôi tới điểm họp là một cánh rừng ở Tà Xia. Cuộc họp do Bộ Giáo dục Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam chủ trì, chủ đề là làm sao để phát triển giáo dục vùng giải phóng. Lúc ấy đã rục rịch kế hoạch giải phóng Sài Gòn - Gia Định (sau đổi thành chiến dịch Hồ Chí Minh) nhưng do bí mật quân sự nên bên giáo dục vẫn chưa biết gì. Họp xong chúng tôi theo xe chở sách giáo khoa (sách do Nhà xuất bản Giải phóng in nhưng thực ra là in từ ngoài Bắc chuyển vào) trở về Biên Hòa. Tới Bù Đốp thì đụng ngay ba mươi Tết. Cái Tết dọc đường đạm bạc mà ấm cúng. Đêm giao thừa nấu được một nồi thịt kho và một nồi chè. Tôi đi vào nhà bà con trong thị trấn xin được hai đòn bánh tét. Thế là đủ. Đúng mười hai giờ súng nổ rầm rộ sáng rực trên bầu trời Bù Đốp, chúng tôi ngửa mặt lên trời hò reo. Lúc này tận mắt thấy vùng giải phóng ngày càng mở rộng, lực lượng ta ngày càng lớn mạnh ai cũng tin tưởng chỉ vài năm nữa sẽ giải phóng. Chẳng thể ngờ khi về trường chỉ vài tháng đã diễn ra cuộc tháo chạy hốt hoảng của kẻ bại trận, đoàn quân giải phóng rầm rập tiến vào giải phóng Sài Gòn. Thầy trò chúng tôi múa hát, mổ heo ăn mừng suốt mấy

ngày đêm. Đến giữa tháng 5-1975 tôi tạm biệt Cây Gáo, vùng đất ven sông Đồng Nai "đã hóa tâm hồn"trong tôi; tạm biệt các học trò - những khuôn mặt xanh rờn vì sốt rét và thiếu ăn, ham học ham hiểu biết, lo cho bạn, thương thầy.

Những năm tháng ở Chiến khu Đ tôi có một khát khao cháy bỏng: viết. Từ thời tuổi trẻ sống giữa thủ đô đã lắng nghe những vần thơ, bản nhạc, xem những vở kịch, ngốn ngấu những trang truyện ngắn, tiểu thuyết, bút ký viết về miền Nam. Có cái gì đó vừa rung động vừa thôi thúc. Phải vào tận nơi tìm hiểu xem vì sao trong hoàn cảnh khốc liệt mà các nhà văn vẫn có những tác phẩm hay như thế. Khi đại bác gầm thì chim họa mi tắt tiếng, đằng này trong tiếng gầm của đại bác, máy bay B52 mà văn học nghệ thuật vẫn nở rộ hơn bao giờ hết. Đồng thời mong muốn mảnh đất chiến đấu này có gợi cho mình viết được cái gì mới không, ở ngoài Bắc dù rất đam mê viết vẫn chưa bật lên được. Tôi quyết tâm vào chiến trường phải tìm gặp bằng được một số nhà thơ mà tôi hằng mến mộ để tìm hiểu và học hỏi. Tôi hăm hở đến Hội Văn nghệ giải phóng hai lần, lần đầu theo chỉ dẫn tìm ngay đến "nhà" (chỉ có những cây cột, mái lợp lá trung quân, bốn bề trống hoác) của nhà văn Anh Đức. Người đàn ông chưa tới bốn mươi tuổi dáng vóc cao lớn, ngồi lắc lư trên võng,

tác giả của những *Hòn Đất, Bức thư Cà Mau, Xung quanh trận càn hình móng ngựa...* lừng lẫy, cây bút tiêu biểu của văn học viết về chiến tranh đang ngồi trước mặt tôi kia. Với tôi, ông có vẻ đẹp cao thượng, vẻ đẹp của lý tưởng, vẻ đẹp của văn chương, vẻ đẹp của tình yêu. Quê ở An Giang, năm 1954 tập kết ra Bắc, 8 năm sau - 1962 sau khi gặt hái được một số thành tựu trong sáng tác ông trở về miền Nam. Ra đi mang theo trong tim mình dáng hình của một cô gái Hà Nội xinh đẹp do nhà thơ Chế Lan Viên giới thiệu. Những năm tháng chiến trường ông đã chịu cơn sốt rét ác tính dọc đường Trường Sơn nhưng may mắn thoát chết, bom B52 đánh vào cứ Văn nghệ giải phóng năm 1966, trận càn hình móng ngựa Gianxonxiti năm 1967 vào Trung ương Cục, chạy dạt sang đất bạn, ẩn trong những phum sóc, bên hàng cây thốt nốt. Dưới bầu trời ong ong tai tái của Cà Mau ngồi trong mùng, xung quanh muỗi vo ve như trấu, sóng biển ầm ì dội tới để viết những *Bức thư Cà Mau* hồi đáp với nhà văn tài hoa Nguyễn Tuân. Những trang viết ấy bao giờ cũng đăng ở trang đầu báo Văn nghệ trung ương như sự kết nối tình Nam - Bắc đầy mãnh liệt. Vừa lo cái ăn vừa ngồi dưới hầm để viết nên cuốn tiểu thuyết anh hùng ca Hòn Đất dày năm trăm trang. Những trang viết của Anh Đức, cả tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký giàu chất hiện thực,

trữ tình nên thơ và luôn đậm chất Nam Bộ. Năm 1966 người con gái Hà Nội là cô Loan đã vượt Trường Sơn vào với ông, họ nên vợ nên chồng bằng một đám cưới giản dị ở cứ Văn nghệ giải phóng và đã có đứa con trai sinh ra ở trong rừng. Nhìn thần thái của ông thấy toát lên một nghị lực phi thường, nghị lực chống chọi với mọi vất vả gian nan của chiến trường, nghị lực sáng tạo. Nhưng đằng sau nghị lực ấy tôi cũng thấy sự an nhiên tự tại ở nơi ông. Mọi giông bão đã ở phía sau lưng, giờ đây ông ung dung vấn thuốc rê hút để sửa soạn viết một cuốn tiểu thuyết mới. Nhà văn Anh Đức hỏi tôi Nguyễn Đình Thi viết gì, Nguyễn Khải viết gì. Tôi kể chuyện ba tôi - nhà văn Bùi Hiển thường đạp xe vào tuyến lửa Khu 4 để sáng tác, ông tỏ vẻ xúc động. Mười năm bám trụ chiến trường ông luôn khắc khoải nhớ miền Bắc, nhớ Hà Nội, nhớ các nhà văn ngoài đó. Chỉ vỏn vẹn tám năm tập kết ông đã học hỏi rất nhiều ở các nhà văn đàn anh, ở văn hóa xứ Bắc. Trước một nhà văn bậc thầy tôi vẫn đánh liều đưa ông mấy cái viết vội dọc đường Trường Sơn, chắc là rất non nớt. Ông nhổm dậy, mỉm cười:

- Viết lẹ nhỉ!

Ngày hôm sau từ cứ Văn nghệ giải phóng nhà văn Anh Đức viết thư cho ba tôi khen tôi "viết có cạnh khía", bức thư này sau giải phóng tôi mới được đọc.

Tôi còn gặp nhà thơ Giang Nam, người nhỏ nhắn đeo kính, tác giả bài thơ *Quê hương* đầy sức hút mà tôi đã từng dạy cho học trò. Ông chân thành khuyên tôi thực tế rất phong phú, cháu hãy ráng viết gửi cho Văn nghệ giải phóng. Việc gặp gỡ các nhà văn, nhà thơ ở Hội Văn nghệ giải phóng đã thôi thúc và tôi như nhận được cái chìa khóa để mở ra cánh cửa sáng tạo. Bám sát mảnh đất mình đang sống và viết, có cảm xúc thì làm thơ, gặp người thật việc thật hãy viết ký, khi gặp những mẫu nhân vật với những câu chuyện hay chuyển qua viết truyện. Tôi mong muốn đóng góp một chút gì cho Văn nghệ giải phóng, cuộc chiến đấu lúc này rất cần có tiếng nói của văn nghệ, chỉ cần một bài thơ, bài bút ký, hay một truyện ngắn cũng đủ sức lay động trái tim cán bộ, chiến sĩ. Trở về Biên Hòa ngày đi làm rẫy khi màn đêm buông xuống, ngồi trên võng bấm đèn pin cặm cụi viết. Khi qua Cây Gáo ngoài thời gian dạy tôi lại ghi chép và hì hục viết, sửa. Được chục tác phẩm rồi nhưng làm sao gửi bây giờ, gửi đường giao liên sợ thất lạc, uổng công viết. May thay tôi lại có dịp lên Tây Ninh họp, đến Tà Xia ngày hôm trước, ngay ngày hôm sau mượn được chiếc xe đạp "truồng" không chắn xích chắn bùn hăm hở đạp xe tới Hội Văn nghệ giải phóng. Lúc này vợ chồng nhà văn Anh Đức và đứa con trai đã ra Bắc. Tôi được dẫn đến gặp một người đàn ông có

đôi mắt xếch đang ngồi trên ghế, xếp giấy vàng ố đặt trên bàn. Anh cúi đầu lia bút, những tia nắng lọt qua kẽ lá nhảy nhót trên vai, trên tóc, bên bàn viết là cây bông tranh hoa nở trắng muốt. Đó là nhà văn Lê Văn Thảo, tác giả tập truyện ngắn *Đêm Tháp Mười* mà tôi đã đọc ở Hà Nội. Anh Thảo là con của ông Năm Diêu, lãnh đạo ngành giáo dục cách mạng miền Nam. Anh vốn học khoa học tự nhiên ở Sài Gòn, bỏ thành vào rừng từ những năm 1960. Anh chỉ tôi ngồi xuống chiếc thùng đại liên, mặc cảm tôi nói lí nhí vài câu rồi gửi mấy bản thảo cho anh. Biết anh bận, tôi chào ra về. Họp xong, trở về Cây Gáo tôi thấc thỏm chờ, tự nhủ chắc sẽ không được đăng vì mình viết còn đơn giản quá. Chẳng dè một tháng sau tôi nhận được tờ báo Văn nghệ giải phóng có đăng truyện *Chị Ngần* của tôi, có cả hình minh họa. Mừng húm, đi lang thang trong rừng thấy nắng như đang reo, hoa đang cười. Ở ngoài Bắc chỉ được đăng mấy mẩu thiếu nhi, dăm bài thơ vụn, nay được đăng cả một truyện ngắn, sự dấn thân của mình đã ra hoa đơm trái, phải cố gắng hơn nữa để có được vài ba cái đăng ở báo. Vui hơn là chỉ sau một truyện ngắn tôi nghiễm nhiên trở thành cộng tác viên của báo. Cuối tháng 3-1975, tôi nhận được thư của nhà thơ Hoài Vũ phụ trách báo mời cộng tác viết bài cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đang loay hoay viết chưa kịp

gửi thì giải phóng miền Nam, niềm vui vỡ òa trên trang giấy, tôi hối hả viết mấy bài thơ liền.

Đấy là câu chuyện của tôi - một cuộc đời bình dị ở Chiến khu Đ. Chân dung tôi ở chiến khu được hình thành từ ba mảnh ghép: cán bộ Ban tuyên huấn Biên Hòa, thầy giáo dạy học trường văn hóa huyện Thống Nhất ở xã Cây Gáo, cộng tác viên báo Văn nghệ giải phóng. Cũng từ công việc của mình tôi nhìn Chiến khu Đ qua ba lăng kính: tuyên giáo, giáo dục, văn nghệ.

NƠI CHA TÔI NẰM XUỐNG

Truyện ngắn của **Đào Sỹ Quang**

Thế là mẹ con tôi đã tìm đến được nơi cha tôi nằm xuống, khi phải vượt qua gần hai nghìn cây số giữa cái nóng bức của mùa hè...

***

Quê tôi ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, nơi có "Tiếng trống năm 30 lay động đến bây giờ"...

Cha tôi là "con trai một" trong một gia đình có công với cách mạng, ông nội từng theo Việt Minh luồn rừng đánh Pháp. Bà nội nuôi giấu cán bộ trong nhà. Vì những lý do trên, mà khi đến tuổi 18 cha tôi được tạm hoãn nhập ngũ. Ông bà nội bắt con trai lấy vợ, chín tháng mười ngày sau thì tôi ra đời.

Rồi bỗng một ngày cha tôi xung phong đi bộ đội. Mẹ tôi và bà nội lên tiếng phản đối, riêng ông nội thì khác:

- Đi đi, thanh niên thời loạn lên đường đánh giặc thì có gì phải suy nghĩ!

Bà nội lập tức nổi giận:

- Xã đội người ta đã nói rõ là thằng Toàn con ông bà Hùng Tân chưa phải đi bộ đội, đời thuở nhà ai lại muốn con mình lao vào chỗ chết bao giờ!

Ông nội "bốc hỏa":

- Bà thì... bà thì càng nói càng dở, cứ đi bộ đội là chết à!?

Mẹ tôi rũ rĩ buồn...

Rồi bà nội mỉa mai:

- Nhà này hai cha con ông là nhất, thích gì cũng được, mình đâu có trốn nghĩa vụ, do trên người ta quy định thế chứ!

Cha tôi cười khành khạch, nhìn mẹ nói:

- Lẽ ra u phải đồng ý cho con đi ngay. Ngày xưa u còn nuôi giấu cán bộ này, tham gia tiếng trống năm 30 này. Giấy chứng nhận to đùng đang treo trên tường kia, u quên rồi hả?

Bà nội ngẩn người ra, rồi mắng yêu con trai:

- Cha bố nhà anh, đòi trứng khôn hơn vịt!

Cha tôi nhập ngũ rồi, mẹ chợt thấy xấu hổ khi nghĩ về lớp lớp thanh niên lên đường đánh Mỹ mà

mình lại cứ muốn giữ chồng "ở nhà quanh quẩn xó bếp" thấy nó làm sao ấy...

Sau ba tháng huấn luyện ở một sư đoàn bộ binh, cha tôi phải vào chiến trường cấp tốc mà không được về phép! Mẹ tôi như hoang dại, nước mắt ròng ròng...

Lá thư cuối cùng cha gửi về vào cuối năm 1969 tại chiến trường Tây Ninh. Lá thư đi ra Bắc phải mất đến cả sáu, bảy tháng trời. Trong lá thư cha gửi về có tóm tắt quá trình hành quân:... *"tới Thủ Đầu Một đầu năm 1969, được biên chế vào F9. Thời gian từ Bắc vào Nam mất 6 tháng 3 ngày..."*

***

Tôi lớn dần theo năm tháng, rồi luôn miệng gọi "Bố Toàn ơi!". Người làng quê tôi vất vả ruộng đồng nhưng vẫn không quên theo dõi dòng thời sự. Cả làng ngày đó mỗi nhà nội tôi có chiếc đài Orionton của một người thân tận Hà Nội tặng cho ông nội. Tối tối nhà tôi chật cứng người đến nghe đài, rồi xôn xao về những trận đánh của quân giải phóng miền Nam...

Mẹ tôi gầy rộc, nước mắt ứa ra. Mẹ không quên mỗi ngày thắp hương lên bàn thờ chắp tay cầu khấn cho cha tôi bình yên trở về. Rồi nhiều đêm mẹ thức dậy ra đứng giữa sân như trời trồng nhìn về phương Nam...

Bà nội cũng đến là khổ sở:

- Thôi con, mẹ khấn trời khấn Phật, tổ tiên về phù hộ cho chồng con rồi, thằng Toàn sẽ trở về...

Chiến dịch Mùa xuân 1975 nổ ra, quân ta liên tục mở rộng nhiều vùng giải phóng. Mẹ tôi càng háo hức mong chờ ngày cha tôi trở về. Mẹ ôm tôi vào lòng nói lời âu yếm:

- Bố sắp về rồi, quân ta đang chiến thắng!

Rồi đúng như mong đợi, Sài Gòn giải phóng. Tôi đếm từng ngày để nhìn thấy mặt cha, nhưng vô vọng. Tôi hỏi mẹ:

- Sao bố vẫn chưa về, mẹ bảo là hòa bình bố sẽ về mà?

- Bố sắp về rồi, cứ yên tâm!

- Sắp về đến bao giờ nữa, giải phóng cả mấy tháng rồi?

***

Chiều hè hôm ấy ra rả tiếng ve sầu, bác Tình - Xã đội trưởng, ông Hoạch - Bí thư Đảng ủy xã, cô Lý - Bí thư Đoàn Thanh niên và hai cán bộ ở Huyện đội quân phục oách lắm vào nhà tôi. Sự xuất hiện của những người khách không mời mà đến làm cho gia đình tôi

thật bất ngờ. Và bất ngờ hơn nữa khi ông nội tôi kêu toáng lên bằng giọng run giật:

- Thằng Toàn nhà tôi chết rồi phải không?

Ông nội là người cứng rắn như gang như thép thế mà bỗng mềm ra. Bà nội khóc, kéo theo mẹ tôi khóc, hàng xóm chạy đến cũng sụt sùi... Đúng như linh tính của ông nội, bố tôi đã hy sinh. Cán bộ đến nhà tôi để đưa Giấy báo tử, họ cũng xót xa, day dứt hiển hiện rõ trên khuôn mặt. Giấy báo tử ghi: *"Đồng chí Đỗ Hữu Toàn, sinh năm 1950; nhập ngũ ngày... tháng... năm 1968; quê quán: xã G, huyện TH, tỉnh TB; cấp bậc trung sĩ, chức vụ tiểu đội trưởng; thuộc Cx, Dy, F9; hy sinh ngày 7 tháng 4 năm 1972 tại mặt trận phía Nam..."*.

Mẹ tôi đau đớn, phải đưa ra trạm xá xã cấp cứu. Bà nội kêu thất thanh: "Toàn ơi, hỡi con ơi..."

Ngày hôm sau Lễ truy điệu cha tôi được tổ chức trọng thể tại sân trường cấp I, cạnh Ủy ban nhân dân xã. Cả làng tôi tới dự. Ông Bí thư Đảng ủy xã đọc điếu văn nghe sao thống thiết:... *"Quê hương ta tự hào có một người con anh dũng. Liệt sĩ Đỗ Hữu Toàn đã góp phần tô thắm thêm lá cờ Tổ quốc, góp phần quyết định Chiến thắng 30 tháng Tư vĩ đại, đưa nước nhà quy về một mối..."*

***

Mẹ vẫn giữ được tấm ảnh khổ 4 x 6cm, chụp nửa người của cha tôi hồi huấn luyện gửi về. Tấm ảnh trắng đen được thợ ảnh tô màu đẹp lắm. Đầu bố đội mũ cối có ngôi sao vàng năm cánh, cổ áo mang quân hàm binh nhất. Mẹ mang tấm ảnh đó lên thị trấn thuê một ông họa sĩ truyền thần phóng lớn thành khổ 30 x 40cm. Tấm chân dung đặt trong khung kính trông lại càng đẹp hơn. Nụ cười của bố thật duyên. Ông bà nội đã mời một thầy cao tay về để làm lễ đàm tế đưa di ảnh của cha tôi lên bàn thờ gia tiên.

Có nhiều lần vì thương con dâu mà ông bà khuyên mẹ tôi nên đi bước nữa, nhưng mẹ dứt khoát không nghe. Có người khen mẹ, nhưng cũng có người lại như chê trách: "Ối giời, gái một con xinh đẹp như thế ở vậy làm gì cho nó phí cái đời, mình đâu phải không chung thủy, tại là tại cái thằng Mỹ nó xâm lược..."

Thế là gia đình tôi có bốn người, sống bên nhau đầm ấm. Thời gian thoắt cái, tôi đã thành cậu học trò cấp 3. Tôi hiểu hơn về cuộc sống, sự đời... Trong làng ai gặp tôi cũng khen "đẹp giai giống bố Toàn". Tôi tự hào về một người cha đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc...

***

Mùa hè 1989. Lúc này tôi đã tròn 20 tuổi, đang là sinh viên Đại học Hàng hải. Hôm nay tôi về thăm nhà...

Mặt trời đã ngả chạm ngọn tre sau nhà. Một người đàn ông quân phục và ba lô đều cũ xuất hiện trước cổng nhà tôi. Người đàn ông mặt đen xạm như bức tượng đá chưa được tinh chỉnh. Ông có giọng nói ấm áp, nhưng hơi khó nghe, thấy mẹ tôi liền nhanh nhảu:

- Chào cô Liên!

Mẹ tôi thảng thốt:

- Anh... anh...?

- Tôi tên là Thục ở miền Nam ra thăm gia đình cô đây.

- Mà... anh là...?

Ông nội nghe tiếng nói từ ngoài cổng vọng vào liền chạy ra.

Người khách lạ nói nhanh:

- Con chào ông ạ, con tên là Thục từ miền Nam ra thăm gia đình ta. Con là bạn chiến đấu với anh Toàn nhà ta ạ!

Mẹ tôi như trẻ mơ thấy ma, thần hồn nát thần tính. Ông bà nội co rúm trong sự ngạc nhiên.

...

Bác Thục mở ba lô lấy ra hai gói quà, một biếu ông bà nội, một - bác xin phép gia đình đặt lên bàn thờ để thắp hương cho cha tôi: "...Toàn ơi, anh Thục đây. Bao năm trời hôm nay anh mới về thăm gia đình ta được, thứ lỗi cho anh nhé vì nhiều hoàn cảnh trớ trêu! Anh thắp nén tâm hương này cầu mong cho linh hồn em siêu thoát! Giải phóng rồi, Tổ quốc, quê hương, đồng đội, người thân mãi mãi tri ân em! Sự hy sinh của em đã góp phần làm sáng chói, niềm kiêu hùng của quân đội ta..."

Nhà tôi bỗng đông người, chẳng biết thông tin thế nào mà nhanh thế. Ông nội cũng đã bình tĩnh trở lại, cầm tay bác Thục, nói trước xóm giềng: "Thưa bà con, anh Thục đây ở tận miền Nam ra, trước kia cùng đơn vị với cháu Toàn nhà tôi...". Nói tới đây nội sụp đổ, mấy người đứng bên đã nhanh chóng đưa tay đỡ ông dậy. Còn mẹ tôi nằm bẹp trong buồng. Bà nội như người từ cõi xa xăm, mặt mày hốc hác ôm chặt bác Thục mà kêu: "Ới Toàn ơi là Toàn ơi... sao con bỏ cha mẹ, vợ con đi hả con ơi hỡi Toàn ơi là Toàn ơi...".

Hoàng hôn về đã lâu, mấy bác, mấy cô cán bộ xã cũng có mặt, có cả những người lính từ chiến trường trở về sau giải phóng...

Bác Thục cứ như người có lỗi, bác giải thích tại sao giờ mới về thăm được gia đình tôi...

Sau giải phóng, bác Thục còn phải ở lại miền Nam để tiếp tục nhiệm vụ mới, thời gian sau bác về quê, rồi đưa con gái vào lập nghiệp ở Đồng Nai từ năm 1983. Hiện nhà bác ở phường Long Bình thành phố Biên Hòa. Bác bảo cha tôi hy sinh ở mặt trận Lộc Ninh. Lúc đó cha tôi là Tiểu đội trưởng. Còn bác Thục là Đại đội phó.

Bác Thục lên đường nhập ngũ, khi vợ đang có bầu. Huấn luyện xong bác vào Nam ngay mà không kịp về phép. Vợ ở nhà sinh con gái. Vào tháng Tư năm 1972 giặc Mỹ điên cuồng cho máy bay B52 và nhiều phản lực cơ đánh phá cầu Hàm Rồng. Vợ bác Thục là một trong những chiến sĩ dân quân tham gia đánh bọn giặc trời. Hôm đó ta hạ một B52 và ba phản lực Mỹ. Nhưng không may, vợ bác Thục đã hy sinh. Hy sinh vào đúng tháng Tư. Với bác Thục, "Tháng Tư biết bao ý nghĩa"- bác ấy bảo thế.

***

Ông bà nội tôi thay nhau từ biệt cõi dương gian. Trong lúc tang gia bối rối quên chẳng kịp báo cho bác Thục biết. Mẹ tôi đã bước vào tuổi 65, mẹ nói với tôi

rằng, trước khi qua đời phải lấy bằng được một nắm đất nơi cha tôi nằm xuống.

Tôi xin nghỉ phép năm để đưa mẹ vào Lộc Ninh thuộc thị xã Bình Long, Bình Phước. Tôi không thể có một lý do từ chối yêu cầu của mẹ.

Sau hai giờ bay của hãng hàng không Vietnam Airlines tôi và mẹ đã tới sân bay Tân Sơn Nhất vào lúc 9 giờ sáng cuối thu năm 2017. Do có sự hẹn gặp nhau từ trước, mà bác Thục cùng ba cựu chiến binh đã có mặt sớm để đón mẹ con tôi bằng chiếc xe hơi 16 chỗ ngồi. Mọi người thi nhau hỏi thăm mẹ con tôi về cuộc sống ra sao, rồi ai cũng nặng buồn đôi mắt...

Theo *dự kiến*, mọi người sẽ lên thẳng nhà bác Ba Thắng, nguyên Đại đội trưởng Cx hiện ở Lộc Ninh...

Nhìn qua cửa xe, đập vào mắt tôi bao hình ảnh xa lạ... Mẹ không sao chợp mắt. Mẹ như đang tưởng tượng con đường mà xưa kia chồng mình từng đi. Rồi mẹ nấc lên từng tiếng...

Chúng tôi tới nhà bác Ba Thắng vào chớm giờ chiều, sau khi ăn cơm trưa ở một quán cơm bình dân dọc đường. Sau khi nghe bác Thục giới thiệu về mẹ con tôi, bác Ba Thắng mừng reo, rồi rơm rớm nước mắt:

- Trời ơi, đúng là thần giao cách cảm rồi, mấy đêm trước tui vừa mơ thấy thằng Toàn dzề...

Mọi người nín lặng, tâm trạng não nùng khó tả. Mẹ tôi như một kẻ điên dại, ôm chặt lấy bác Ba Thắng mà kêu: "Anh Toàn ơi!"...

Hoàng hôn xuống như nhanh hơn mọi ngày. Đêm nay mọi người nghỉ lại ở nhà bác Ba Thắng, nhà tuy cấp 4 nhưng khá rộng rãi. Vợ bác Ba Thắng gặp mẹ tôi thì thương lắm, hỏi han đủ đường... Con trai bác Ba Thắng kém tôi 4 tuổi, tên Chiến làm việc ở nông trường cao su. Sau cơm tối Chiến đưa tôi đi cà phê, hai anh em chia sẻ biết bao chuyện đời...

Ngày hôm sau bác Ba Thắng đưa mẹ con tôi và mọi người đi thăm lại chiến trường xưa, nơi cha tôi và đồng đội đã hy sinh, cách nhà bác chừng 5 cây số. Đứng dưới chân một cây cột điện cao thế, bác Ba Thắng chỉ tay về phía trước mặt, đó là một khu dân cư đông đúc. Bác nói, năm 1972 đã xảy ra trận chiến ác liệt tại đây. Toàn đã hy sinh trong trận này. Mẹ tôi hai mắt mở to, nét mặt hoang hãi như sợ khung cảnh trước mặt biến đi mất. Chắc mẹ đang hình dung ra cha tôi...

Rồi bác Ba Thắng như tường thuật lại trận đánh của một thời xa xưa: "Bốn giờ ngày 1 tháng 4 năm 1972,

ta nổ súng tiến công Chiến đoàn 49 của địch ở Xa Mát - Bàu Dung và Bắc Thiện Ngôn. Sau bốn ngày đêm mở chiến dịch, ta giành thắng lợi giòn giã, tiêu diệt cụm cứ điểm tiền tiêu Xa Mát, đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 49, làm chủ từ Bắc Thiện Ngôn đến biên giới Việt - Lào. Và 5 giờ 30 phút, ngày 5 tháng 4, pháo binh ta nổ súng tiến công vào cụm cứ điểm Lộc Ninh làm cho quân địch hoảng loạn. Nhưng chúng vẫn ngoan cố chống cự. Sang ngày 7 tháng 4 quân ta liên tục tiến công, tổ chức đánh địch ứng cứu. Địch tháo chạy lọt vào trận địa chốt chặn của Trung đoàn 1, bị đẩy vào đường cùng nên chúng đã phản công quyết liệt như không còn gì để mất. Trận chiến hai bên tiếp tục kéo dài cho đến khi trời tối mà vẫn chưa thể kết thúc. Toàn bị dính mảnh cối 81 của địch vào bả vai. Đồng đội băng bó xong, đưa cậu ấy ra tuyến sau mà cậu ấy hổng chịu. Tui đã phải ra lệnh: "Nhân danh Đại đội trưởng Cx, yêu cầu đồng chí Toàn phải ra tuyến sau!". Toàn la lên: "Vết thương này không bằng vết đỉa cắn, tôi còn chiến đấu được!". Nói xong Toàn ôm B40 tiếp tục xông lên chiến đấu. Phát B40 cuối cùng của Toàn đã tiêu diệt một xe tăng địch. Toàn bị trúng một loạt AR 16, vì khoảng cách ta và địch quá gần. Tui đã nâng Toàn dậy, mắt Toàn như lóe lên tia sáng... Cậu ấy đã hy sinh. Tôi vuốt mắt cho Toàn, bác Ba Thắng nhìn vào bác Thục

nói - chính anh Thục đây đã chứng kiến. Quân ta tức thì ồ ạt tấn công vào tận sào huyệt địch, bắt sống chỉ huy, làm chủ chiến trường, giải phóng Lộc Ninh vào lúc 21 giờ ngày 7 tháng 4 năm 1972...". Kể đến đó bác Ba Thắng bỗng nấc lên như người bị hụt hơi. Các cựu chiến binh lặng đi vì xúc động, đôi mắt chớp hoài, chắc nghĩ suy nhiều lắm. Còn mẹ tôi cứ ôm mặt đất mà khóc, như ôm cha tôi mà không muốn rời xa... Tôi lặng im, hình dung ra nơi cha tôi đã ngã xuống ở mảnh đất này. Linh hồn cha chắc còn ẩn khuất nơi đây...

Mẹ tôi ngồi phủ phục dán mắt vào mặt đất. Mẹ nghĩ gì mà nỗi lòng như tan nát, uất u? Hay mẹ tôi đang thấy bố tôi hiện lên từ lòng đất? Mẹ như không nghe thấy những lời động viên an ủi của đồng đội cha tôi. Rồi bất thần mẹ gào lên: "Ơi anh ơi, anh Toàn ơi, anh có nghe thấy tiếng em không? Sao anh đi lâu thế không về...". Rồi mẹ như một người điên loạn, chạy thốc tháo vô định, miệng không ngớt thét lên lời gọi tên cha tôi. Dân chúng xung quanh ào tới, vẻ mặt thất thần khi nhìn thấy mẹ tôi xông vào cào cấn mình. "Người điên, người điên..." - tiếng những kẻ hiếu kỳ vang lên. Các bác cựu chiến binh được một phen hú vía, mặt mũi tái nhợt, xót thương hằn tím trên khuôn mặt...